

UBND TỈNH THÁI NGUYÊN CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TRƯỜNG CHÍNH TRỊ Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Thái Nguyên, ngày 20 tháng 11 năm 2018

DANH SÁCH ĐIỂM THI

PHẦN V.1: MỘT SỐ KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO QUẢN LÝ CỦA CÁN BỘ LÃNH ĐẠO
QUẢN LÝ CƠ SỞ

LỚP TCLLCT-HC HỆ KHÔNG TẬP TRUNG KHÓA 42, TẠI TRƯỜNG

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
1	Hoàng Tuấn Anh	1	49	6.5	Sáu rưỡi	
2	Lưu Tuấn Anh	2	50	6.5	Sáu rưỡi	
3	Lê Việt Anh	3	94	7.0	Bảy	
4	Lý Tuấn Anh	4	88	8.0	Tám	
5	Lại Văn Bắc	5	51	8.0	Tám	
6	Trần Thị Bắc	6	52	7.5	Bảy rưỡi	
7	Nguyễn Thị Bến	7	53	7.5	Bảy rưỡi	
8	Bùi Đức Biên	8	90	7.5	Bảy rưỡi	
9	Đinh Tiến Bình	9	54	7.0	Bảy	
10	Nông Thị Hồng Chi	10	55	7.0	Bảy	
11	Trần Thúy Chung	11	56	7.0	Bảy	
12	Nguyễn Việt Dũng	12	57	7.0	Bảy	
13	Việt Tiến Dũng	13	58	7.0	Bảy	
14	Vũ Thùy Dương	14	59	8.5	Tám rưỡi	
15	Đỗ Hoàng Dương	15	60	7.5	Bảy rưỡi	
16	Nguyễn Quang Đăng	16	61	7.0	Bảy	
17	Trần Thị Bích Đào	17	62	7.5	Bảy rưỡi	
18	Phạm Công Đình	18	63	7.5	Bảy rưỡi	
19	Hoàng Anh Đức	19	64	7.0	Bảy	
20	Lê Thị Hà Giang	20	65	7.5	Bảy rưỡi	
21	Đồng Thị Hà	21	66	7.0	Bảy	
22	Phạm Thị Thu Hà	22	67	7.0	Bảy	



22

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
23	Nguyễn Thị Thúy Hà	23	99	7.0	Bảy	
24	Nguyễn Thị Hà	24	69	7.5	Bảy rưỡi	
25	Lê Thái Hà	25	68	7.0	Bảy	
26	Vi Thị Hải	26	70	7.5	Bảy rưỡi	
27	Nguyễn Văn Hải	27	71	6.5	Sáu rưỡi	
28	Nguyễn Minh Hoàn	28	72	8.0	Tám	
29	Nguyễn Thị Huyền	29	95	8.0	Tám	
30	Nguyễn Thị Thúy Hằng	30	73	8.0	Tám	
31	Trần Thị Thu Hằng	31	75	7.5	Bảy rưỡi	
32	Nguyễn Thị Thu Hằng	32	76	7.0	Bảy	
33	Nguyễn Thị Hiền	33	77	7.0	Bảy	
34	Nguyễn Thanh Hiếu	34	74	6.5	Sáu rưỡi	
35	Lê Thị Hoa	35	78	7.5	Bảy rưỡi	
36	Cao Xuân Hòa	36	79	6.5	Sáu rưỡi	
37	Đinh Như Hoàng	37	80	6.5	Sáu rưỡi	
38	Nguyễn Thị Bích Hồng	38	81	8.0	Tám	
39	Nguyễn Thị Hồng	39	82	7.0	Bảy	
40	Nguyễn Thị Huân	40	29	7.0	Bảy	
41	Đào Thị Huệ	41	91	8.0	Tám	
42	Nguyễn Mạnh Hùng	42	30	7.5	Bảy rưỡi	
43	Nguyễn Quốc Hùng	43	31	7.5	Bảy rưỡi	
44	Lê Văn Hưng	44	32	7.0	Bảy	
45	Nguyễn Thu Hương	45	33	7.5	Bảy rưỡi	
46	Nguyễn Thị Hương	46	83	7.5	Bảy rưỡi	
47	Nguyễn Thị Mai Hương	47	34	7.0	Bảy	
48	Trần Thị Thu Hương	48	35	7.0	Bảy	
49	Hoàng Lan Hương	49	36	8.0	Tám	
50	Đào Thị Hương	50	37	7.5	Bảy rưỡi	
51	Nguyễn Xuân Huỳnh	51	84	7.5	Bảy rưỡi	
52	Nguyễn Duy Khánh	52	98	8.0	Tám	
53	Nguyễn Thị Phương Khương	53	100	7.5	Bảy rưỡi	

ct

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bằng chữ	Ghi chú
54	Trần Thị Khuyên	54	85	7.5	Bảy rưỡi	
55	Nguyễn Đắc Lâm	55	38	6.5	Sáu rưỡi	
56	Đào Thị Lan	56	92	7.5	Bảy rưỡi	
57	Phạm Đức Linh	57	39	7.0	Bảy	
58	Trần Văn Lợi	58	41	7.0	Bảy	
59	Lê Thị Miên	59	40	7.0	Bảy	
60	Trần Văn Nam	60	42	6.5	Sáu rưỡi	
61	Giang Thanh Nam	61	43	7.0	Bảy	
62	Dương Thị Nga	62	44	8.0	Tám	
63	Hà Thị Thanh Nga	63	45	7.5	Bảy rưỡi	
64	Nguyễn Thị Bích Ngọc	64	46	8.0	Tám	
65	Nguyễn Thị Nhung	65	47	7.0	Bảy	
66	Nguyễn Thị Tuyết Nhung	66	93	8.0	Tám	
67	Phạm Thị Oanh	67	86	8.0	Tám	
68	Hoàng Thị Nam Phương	68	97	7.5	Bảy rưỡi	
69	Nguyễn Thị Quyên (A)-1970	69	48	7.0	Bảy	
70	Nguyễn Thị Quyên (B)-1979	70	28	8.0	Tám	
71	La Thị Quyên	71	27	7.0	Bảy	
72	Lê Xuân Quỳnh	72	26	7.0	Bảy	
73	Hoàng Thị Quỳnh	73	87	8.0	Tám	
74	Trần Anh Sáng	74	25	7.0	Bảy	
75	Ma Quốc Tám	75	24	6.0	Sáu	
76	Nguyễn Thị Tâm	76	23	6.5	Sáu rưỡi	
77	Châm Nhật Tân	77	22	6.5	Sáu rưỡi	
78	Vũ Duy Thái	78	21	7.0	Bảy	
79	Phan Doãn Thắng	79	20	7.0	Bảy	
80	Đỗ Thị Thanh	80	89	8.0	Tám	
81	Trương Thị Thanh	81	19	7.0	Bảy	
82	Hoàng Trọng Thành	82	18	6.5	Sáu rưỡi	
83	Vũ Bình Thành	83	17	7.0	Bảy	
84	Phùng Văn Thành	84	16	6.5	Sáu rưỡi	

STT	Họ và tên	Số BD	Số phách	Điểm thi	Bảng chữ	Ghi chú
85	Phạm Thị Tây Thi	85	15	7.0	Bảy	
86	Bùi Thị Thịnh	86	14	7.0	Bảy	
87	Đoàn Thị Thu	87	13	7.0	Bảy	
88	Dương Thị Thúy	88	-	-	-	Vắng thi
89	Hà Thị Thu Thủy	89	101	7.5	Bảy rưỡi	
90	Hoàng Thị Thủy	90	96	8.0	Tám	
91	Nguyễn Thị Toán	91	11	7.0	Bảy	
92	Dương Ngọc Toàn	92	12	7.0	Bảy	
93	Nguyễn Đức Trịnh	93	09	6.5	Sáu rưỡi	
94	Triệu Trung Trực	94	10	6.5	Sáu rưỡi	
95	Ngô Văn Trung	95	08	6.5	Sáu rưỡi	
96	Trịnh Viết Trường	96	07	6.5	Sáu rưỡi	
97	Dương Thị Tuấn	97	05	7.0	Bảy	
98	Hứa Minh Tuấn	98	06	7.5	Bảy rưỡi	
99	Dương Thị Vân	99	04	7.0	Bảy	
100	Dương Tiến Việt	100	01	7.0	Bảy	
101	Nguyễn Thị Việt	101	02	7.5	Bảy rưỡi	
102	Vũ Văn Vinh	102	03	6.5	Sáu rưỡi	

**TRƯỞNG PHÒNG
ĐÀO TẠO**



Nguyễn Phúc Ái

TRƯỞNG KHOA DÂN VĂN



Đàm Thị Hạnh

**KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG**



Phạm Minh Chuyên